

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **06/8/2020**

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1998; ĐKKHKT: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trú tại: xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị V trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K tháng 1/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 5, xã K, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị V thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tìm hiểu nhau không kỹ đã đi đến kết hôn nên khi về sống chung thì chị V phát hiện anh T có vấn đề về sinh lý mà gia đình anh T đều biết, còn đưa anh T đi khám chữa nhiều nơi nhưng dấu không cho chị biết. Vì thế giữa chị và anh T từ ngày cưới nhau, đến khi chị bỏ về không diễn ra việc quan hệ sinh lý giữa vợ chồng với nhau. Chị cũng có khuyên anh T uống thuốc để chữa trị, vợ chồng có gì

thì trao đổi với nhau, nhưng anh T không hợp tác; Anh T còn không quan tâm đến cuộc sống chung thường đi chơi thâu đêm đến sáng mới về nhà. Do không thể chịu đựng được cảnh sống như thế chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 4, xã A sống ly thân với anh T từ cuối tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Mặc dù anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do bố mẹ giao thông báo cho biết TAND huyện K đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn do chị V khởi kiện, nhưng không có văn bản nêu ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của chị V; không tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo; từ chối không hợp tác làm việc với Tòa án.

Tuy nhiên trong các biên bản sự việc ngày 03/03/2020 và 05/6/2020 Tòa án làm việc trực tiếp với bố mẹ anh T thì bố anh T cho biết giữa chị V và anh T có xảy ra mâu thuẫn với nhau nhưng mâu thuẫn như thế nào để dẫn đến việc chị V yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T thì ông không nắm được. Chị V về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối tháng 11/2019; gia đình ông có trao đổi với anh T, nhưng anh T nói là việc riêng của vợ chồng anh nên gia đình không được can thiệp vào. Vấn đề chị V trình bày anh T có vấn đề về sinh lý, ít nói chuyện, không có ham muốn trong quan hệ vợ chồng thì ông T1 công nhận có chuyện đó, nhưng đó là do anh T bị bùa keo nên gia đình ông đã mời thầy về lễ anh T khỏi rồi. Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng anh T chị V không có con chung và không có tài sản chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T; Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết việc Tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn T, cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tháng 01/2019 tại UBND xã K, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị V xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình của vợ chồng không có tiếng nói chung, không nói chuyện gì với nhau, anh T lại không có khả năng quan hệ sinh lý vợ chồng nên không quan tâm đến cuộc sống chung.

Về phía anh T mặc dù biết chị V yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, không tìm gặp, liên lạc với chị V để nói chuyện tháo gỡ vướng mắc, mâu thuẫn của vợ chồng, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung; không có thái độ không hợp tác trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Xác minh tại gia đình, bố mẹ anh T cho biết nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng anh T và chị V sống ly thân thì ông bà không biết chính xác vì khi hỏi thì anh T nói việc của chúng con thì chúng con tự giải quyết; nhưng từ khi ly thân đến nay vợ chồng T và V không quan tâm gì đến nhau nên việc giải quyết như thế nào là do Tòa án quyết định.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương xác nhận trong cuộc sống chung, chị V và anh T có xảy ra mâu thuẫn, chị V đã về nhà mẹ đẻ chị Vân ở từ tháng 11/2019, không còn chung sống với anh T nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tháo gỡ mâu thuẫn cho hai bên nhưng anh T cũng không tham gia phiên hòa giải tại Tòa án theo thông báo cũng như không tham gia phiên tòa.

Như vậy mặc dù không xác định được chính xác nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân như chị Vân trình bày là có căn cứ; vì không giải quyết được mâu thuẫn đó trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng sống anh T và chị V sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Vì vậy có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị V và anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị V giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị V xác định vợ chồng không có con chung và tài sản chung; anh T không có yêu cầu phản tố về vấn đề này chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung và tài sản chung.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14; buộc chị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2294 ngày 28/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh